

Số: 143/2022/QĐST-HNGĐ

Hà Tĩnh, ngày 02 tháng 12 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**  
**SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN GIA ĐÌNH**  
**(V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn)**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH**

***Thành phần giải quyết việc Hôn nhân gia đình:***

*Chủ tọa phiên họp:* Ông Hồ Đức Quang - Thẩm phán.

*Thư ký phiên họp:* Bà Lê Nữ Ngọc Diệp – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên họp:* Bà Dương Thị Thanh Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, mở phiên họp công khai giải quyết việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 219/2022/TLST-HNGĐ ngày 03/11/2022 về việc "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*", theo Quyết định mở phiên họp giải quyết số 144/2022/QĐ-ST ngày 21/11/2022, giữa các đương sự:

- Người yêu cầu: **Anh Mai Văn P**, sinh ngày: 20/01/1988, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 3, xã Y, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa, đề nghị giải quyết vắng mặt

- Người yêu cầu: **Chị Nguyễn Thị Thanh T**, sinh ngày: 10/12/1988, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn X, xã T, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện đang lao động tại Hàn Quốc, đề nghị giải quyết vắng mặt

**NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH:**

*Theo nội dung Đơn khởi kiện giải quyết việc ly hôn của anh Mai Văn P và ý kiến của chị Nguyễn Thị Thanh T cùng các tài liệu có tại hồ sơ, việc Hôn nhân gia đình có nội dung:*

Anh Mai Văn P và chị Nguyễn Thị Thanh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh theo số đăng ký số 69, quyển số 01/2014 ngày 23/5/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống hoà thuận, hạnh phúc tại xã T, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh và có 01 con chung. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2015 khi anh Mai Văn P đi lao động tại Trinidad và Tobago. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, lối sống, không tin tưởng nhau, đã ly thân từ 2017. Nhận thấy, vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, tình trạng hôn nhân không thể dung hòa, mục

đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, anh Mai Văn P khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh giải quyết ly hôn chị Nguyễn Thị Thanh T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Mai Hiếu N, sinh ngày: 02/9/2014. Vợ chồng thống nhất giao con chung cho chị Nguyễn Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng. Vợ chồng tự thỏa thuận cấp dưỡng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng sống phụ thuộc vào bố mẹ nên không có tài sản chung, không có nợ chung, chung nợ. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị Thanh T đã gọi điện (ghi hình có âm thanh) trình bày ý kiến liên quan đến nội dung anh Mai Văn P khởi kiện như sau: Về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn đúng như nội dung anh Mai Văn P trình bày trong đơn khởi kiện. Do trong thời gian sống chung, vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, ly thân từ năm 2017. Hiện nay, do khoảng cách địa lý xa xôi, không tin tưởng và không muốn hàn gắn, duy trì quan hệ vợ chồng nên chị Nguyễn Thị Thanh T yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Về con chung: Vợ chồng thống nhất giao con chung Mai Hiếu N, sinh ngày: 02/9/2014 cho chị Nguyễn Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của anh P. Về tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do công việc, điều kiện đi lại khó khăn, chị Nguyễn Thị Thanh T không về Việt Nam giải quyết ly hôn, không cung cấp được địa chỉ cụ thể tại Hàn Quốc, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, ủy quyền giao nhận tài liệu cho mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị A, địa chỉ: Thôn X, xã T, huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh.

Tại văn bản số 33/UBND ngày 21/11/2022 của UBND xã T, huyện Thạch Hà khẳng định: Chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Mai Văn P thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh theo số đăng ký số 69, quyền số 01/2014 ngày 23/5/2014. Quy trình đăng ký kết hôn được thực hiện đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền và trình tự, thủ tục. Chính quyền địa phương không có thông tin về nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng, cũng như chưa hòa giải hôn nhân gia đình lần nào. Chị T hiện có hộ khẩu thường trú tại địa phương. Vợ chồng chị T, anh P có 01 con chung là Mai Hiếu N, hiện đang sinh sống cùng bà ngoại có đăng ký hộ khẩu tại thôn Xuân P, xã T, huyện L. Về nội dung anh Mai Văn P yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên họp giải quyết việc Hôn nhân gia đình, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và các đương sự đã phân tích nội dung vụ việc, các vấn đề đương sự đã thỏa thuận, thống nhất được với nhau và đề nghị Hội đồng giải quyết việc Hôn nhân gia đình: Căn cứ Điều 149, 370 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 51, 55, 81, 82, 83, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Nghị quyết số 02/2003/NQ-HĐTP ngày

16/4/2003 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Chấp nhận yêu cầu của các đương sự; công nhận thuận tình ly hôn của anh Mai Văn P và chị Nguyễn Thị Thanh T, về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Giao con chung là Mai Hiếu N, sinh ngày: 02/9/2014 cho chị Nguyễn Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng; các vấn đề khác đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc Hôn nhân gia đình đã được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của anh Mai Văn P và chị Nguyễn Thị Thanh T, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh; Thẩm phán giải quyết việc Hôn nhân gia đình nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tại Công văn số 20367/QLXNC-P5 ngày 30/9/2022 về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh của Cục Quản lý Xuất nhập cảnh Bộ Công an thể hiện *“Chị Nguyễn Thị Thanh T đã xuất nhập cảnh 07 lần, lần gần đây nhất vào ngày 21/12/2017, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước”*. Căn cứ quy định tại khoản 25 Điều 3, Điều 122, 127 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 29, 37, 39, 464 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nội dung yêu cầu của các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

[1.2] Chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Mai Văn P đều đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên họp giải quyết việc Hôn nhân gia đình vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

[1.3] Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, quá trình làm việc, chị Nguyễn Thị Thanh T trình bày thống nhất với toàn bộ yêu cầu của anh Mai Văn P không tranh chấp. Do công việc, chị Thùy không về Việt Nam để giải quyết việc hôn nhân gia đình nên đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, đồng thời ủy quyền giao, nhận tài liệu cho mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị A. Theo hướng dẫn tại Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tối cao về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ, Tòa án thực hiện tổng đạt văn bản tố tụng cho chị Nguyễn Thị Thanh T thông qua người được ủy quyền và chuyển quan hệ pháp luật từ vụ án “Ly hôn” thành “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”.

[1.4] Anh Mai Văn P có văn bản đề nghị không tiến hành hòa giải. Căn cứ Điều 205, 207, 397 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đã ban hành Thông báo số 30/2022/TB-TA ngày 04/11/2022 về việc vụ việc không hòa giải được.

[1.5] Tòa án đã tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án Hôn nhân gia đình, Quyết định mở phiên họp giải quyết việc Hôn nhân gia đình cho các đương sự là thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[1.6] Tòa án yêu cầu đương sự giao nộp tài liệu, chứng cứ và tiến hành xác minh tài liệu chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ là tuân thủ quy định tại Điều 93, 94, 95, 96, 97, 208 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1.1] Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Mai Văn P được xây dựng trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện, không trái đạo đức, thuần phong mỹ tục, đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền và tổ chức lễ cưới công khai. Căn cứ quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì đây là hôn nhân hợp pháp.

[2.1.2] Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, có 01 con chung. Mậu thuận phát sinh khi anh Mai Văn P đi lao động ở nước ngoài. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, lối sống, không tin tưởng, tôn trọng nhau cùng với khoảng cách về địa lý. Vợ chồng ly thân từ năm 2017. Nhận thấy thời gian xa cách lâu ngày, tình cảm vợ chồng không được vun đắp, xây dựng nên mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, anh Mai Văn P và chị Nguyễn Thị Thanh T yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2.1.3] Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định “*Vợ, chồng hoặc cả hai có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn*” (khoản 1 Điều 51); “*Trong trường hợp vợ chồng cùng yêu cầu ly hôn, nếu xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận về việc chia tài sản, việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở đảm bảo quyền lợi chính đáng của vợ và con thì Tòa án công nhận thuận tình ly hôn....*” (Điều 55).

[2.1.4] Xét thấy, hiện nay, tình cảm vợ chồng giữa anh Mai Văn P và chị Nguyễn Thị Thanh T không còn. Vợ chồng không yêu thương, quan tâm đến nhau, mâu thuẫn trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ. Do đó, chấp nhận yêu cầu của anh P, chị T như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp là phù hợp. Căn cứ quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình, công nhận thuận tình ly hôn của anh Mai Văn P và chị Nguyễn Thị Thanh T là đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Về quan hệ con chung: Anh Mai Văn P và chị Nguyễn Thị Thanh T có 01 con chung là Mai Hiếu N, sinh ngày: 02/9/2014. Theo lời khai của các đương sự, mặc dù hiện nay chị Nguyễn Thị Thanh T đang lao động tại Hàn Quốc nhưng chị là người trực tiếp chu cấp tiền ăn học, sinh hoạt hàng ngày cho con, anh P cũng đang làm việc tại Thanh Hóa. Con chung nhờ ông bà ngoại chăm sóc. Cháu Mai Hiếu N phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Quá trình Tòa án làm việc với bà Nguyễn Thị A là mẹ đẻ chị Nguyễn Thị Thanh T, bà A đồng ý chăm sóc con chung của chị T và anh P trong thời gian chị T đi lao động tại Hàn Quốc. Cháu Mai Hiếu N có nguyện vọng được ở với chị T và ông bà ngoại. Chị T và anh P đã thống nhất việc giao người trực tiếp nuôi con chung. Vì vậy cần ghi nhận sự thỏa thuận nuôi con chung của chị

Nguyễn Thị Thanh T và anh Mai Văn P: Giao con chung là Mai Hiếu N, sinh ngày: 02/9/2014 cho chị Nguyễn Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, trừ trường hợp phát sinh sự kiện pháp lý mới. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đương sự không yêu cầu nên miễn xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[3] Xét thấy, các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận toàn bộ nội dung việc Hôn nhân gia đình; sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, đúng pháp luật, không vi phạm điều cấm. Mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận người trực tiếp nuôi con chung của các đương sự.

Trong trường hợp phát sinh tranh chấp thì đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[4] Về lệ phí: Các đương sự phải chịu lệ phí việc Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 146, 147, 361, 362, 367, 369, 370 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 55, 57, 81, 82, 83, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn của anh Mai Văn P, sinh ngày: 20/01/1988, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 3, xã Y, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa và chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày: 10/12/1988, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn X, xã T, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện đang lao động tại Hàn Quốc

2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận nuôi con chung của chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Mai Văn P: Giao con chung là Mai Hiếu N, sinh ngày: 02/9/2014 cho chị Nguyễn Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, trừ trường hợp phát sinh sự kiện pháp lý mới. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đương sự không yêu cầu nên miễn xét.

Anh Mai Văn P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

4. Về lệ phí: Áp dụng Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27, 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Chấp nhận sự tự nguyện nộp tiền lệ phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng của anh Mai Văn P theo biên lai số 0000364 ngày 02 tháng 11 năm 2022 tại Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Hà Tĩnh.

5. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và gia đình không có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp không có quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm đối với Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay.

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao;
- VKS, THA tỉnh Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
- Nơi ĐKKH;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC HNGĐ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

**Hồ Đức Quang**